|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 09/KH-UBND | *Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022**

**của Chính phủ** **ban hành Chương trình hành động của Chính phủ**

**thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của**

**Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững**

**đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Căn cứ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 148/NQ-CP*); căn cứ Kế hoạch số 57-KH/TU ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt sâu rộng các nội dung và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 148/NQ-CP, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của lãnh đạo các ngành, các cấp đối với công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý phát triển đô thị hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 148/NQ-CP, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành để tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt kết quả cao nhất.

3. Phát huy vai trò kiến tạo, chỉ đạo của UBND tỉnh theo nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng. Phân công cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp đảm bảo phù hợp với năng lực để UBND tỉnh và các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 148/NQ-CP.

4. Phấn đấu đạt các mục tiêu cụ thể [[1]](#footnote-1):

a) Đến năm 2025:

- Giai đoạn đến năm 2025 dự kiến thành lập mới 14 thị trấn, sáp nhập huyện Đông Sơn với thành phố Thanh Hóa; đến năm 2025, toàn tỉnh có 47 đô thị các loại. 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị.

- Đến 2025, tổng dân số khu vực thành thị gồm cả quy đổi đạt trên 1,69 triệu người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 40% trở lên; tỉ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,5 - 1,9%. Các chỉ tiêu phản ánh chất lượng đô thị gồm:

+ Diện tích sàn nhà ở đô thị đạt khoảng 30m2/người;

+ Tỷ lệ đất giao thông đô thị loại I, loại II đạt 23÷25% đất xây dựng đô thị; loại III, IV, V đạt 20% trở lên; tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt trung bình các đô thị đạt khoảng 10%;

+ Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch tại các đô thị đạt khoảng 95%, tiêu chuẩn cấp nước trung bình tại các đô thị khoảng 120 lít/người/ngày đêm, cấp nước bao phủ đạt 90% đối với đô thị loại V, đạt 100% đối với đô thị loại IV trở lên;

+ Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 80% diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị; tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đạt > 30% đối với đô thị loại II trở lên, >10% đối với các đô thị còn lại; 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm; các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%;

+ Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 95%; chất thải rắn, khu công nghiệp chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường đạt 100%;

+ Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường chính và khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng tại các đô thị loại I, loại II đạt tỷ lệ 95%. Từng bước phát triển đồng bộ chiếu sáng đối với đô thị loại III, loại IV, loại V đạt 85% chiều dài các tuyến đường chính và đạt 80% chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm.

+ Đất cây xanh đô thị đạt bình quân khoảng 10 m2/người; trong đó đất cây xanh công cộng khu vực nội thị khoảng 4 m2/người.

+ Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh; tỉ lệ dân sổ trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

+ Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GRDP cả tỉnh khoảng 75%.

b) Đến năm 2030:

- Giai đoạn 2026 - 2030 tiếp tục đầu tư, chỉnh trang và nâng cấp các đô thị hiện có, đồng thời nghiên cứu nâng cấp, sáp nhập một số đô thị trên địa bàn tỉnh; đến năm 2030, toàn tỉnh có 47 đô thị. Xây dựng các thành phố: Thanh Hoá, Sầm Sơn và các thị xã: Bỉm Sơn, Nghi Sơn trở thành đô thị thông minh.

- Đến năm 2030, dân số khu vực thành thị gồm cả quy đổi đạt trên 2,23 triệu người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 50% trở lên; Tỉ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,9 - 2,3%. Các chỉ tiêu phản ánh chất lượng đô thị gồm:

+ Diện tích sàn nhà ở đô thị đạt khoảng 35 m2/người;

+ Tỷ lệ đất giao thông đô thị loại I, loại II đạt 25%; loại III, IV, V đạt 20% đất xây dựng đô thị trở lên; tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt trung bình các đô thị đạt khoảng 20%;

+ Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch tại các đô thị đạt 100%, tiêu chuẩn cấp nước trung bình tại các đô thị đạt bình quân 120 lít/người/ngày đêm;

+ Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 90% diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị; tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đạt > 50% đối với đô thị loại II trở lên, >20% đối với các đô thị còn lại; 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm; các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%;

+ Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 98%; chất thải rắn khu công nghiệp, chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường đạt 100%;

+ Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường chính và khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng tại các đô thị loại loại I, loại II đạt tỷ lệ 100%. Từng bước phát triển đồng bộ chiếu sáng đối với đô thị loại III, loại IV, loại V đạt 90% chiều dài các tuyến đường chính và đạt 90% chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm;

+ Đất cây xanh đô thị đạt bình quân khoảng 12 m2/người; trong đó đất cây xanh công cộng khu vực nội thị khoảng 5 m2/người;

+ Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, tỉ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử đạt 100%;

+ Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GRDP cả tỉnh khoảng 85%.

c) Tầm nhìn đến năm 2045:

Tỷ lệ đô thị hoá thuộc nhóm trung bình cao của cả nước. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triên theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỉ trọng lớn. Xây dựng thành phố Thanh Hóa là thành phố giàu đẹp, văn minh, hiện đại, kiểu mẫu của cả nước; thành phố Sầm Sơn là đô thị du lịch, vui chơi, giải trí độc đáo hàng đầu của cả nước [[2]](#footnote-2).

**II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao, các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai 05 nhóm nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

**1. Thống nhất nhận thức, hành động về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam**

Các cơ quan chức năng ở các cấp tổ chức quán triệt và thực hiện tuyên truyền, giáo dục, vận động sâu rộng trong toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; thường xuyên, định kỳ tổ chức các hình thức tuyên truyền phổ biến và đánh giá việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 148/NQ-CP; Kế hoạch số 57-KH/TU ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa cũng như các Nghị quyết khác của Đảng và Nhà nước liên quan đến quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị.

**2. Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững**

*Nhiệm vụ 1: Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy chế quản lý kiến trúc.*

- Nội dung thực hiện: Đến năm 2025, hoàn thành rà soát, phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu tại các đô thị hiện có và đô thị mới; đối với các đô thị: Thanh Hóa, Sầm Sơn, Bỉm Sơn, Nghi Sơn, Lam Sơn - Sao Vàng đều có quy chế quản lý kiến trúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đến năm 2030, tiếp tục phủ kín quy hoạch phân khu trên địa bàn các thành phố, thị xã. Tiếp tục hoàn thành lập và phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc đô thị tại các đô thị trên địa bàn tỉnh; quan tâm, thúc đẩy lập, phê duyệt quy hoạch không gian ngầm tại các thành phố, thị xã.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo trách nhiệm, thẩm quyền về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt được pháp luật quy định.

**3. Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu.**

Tiếp tục triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, dự án đang thực hiện về nâng cấp, phát triển đô thị. Nghiên cứu xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành các Chương trình về xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và đầu tư phát triển đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị nhằm cụ thể hóa các chỉ tiêu của Nghị quyết số 148/NQ-CP đối với toàn tỉnh, từng đô thị để thống nhất rà soát, lập chương trình phát triển đô thị để thực hiện đầu tư có trọng tâm trọng điểm ít nhất 05 đô thị tiêu biểu[[3]](#footnote-3), có khả năng chống chịu, giảm phát thải, thông minh, có bản sắc và hoàn thiện điêu kiện hạ tầng đô thị; tập trung vào các nhóm nhiệm vụ chính như sau:

*a) Nhiệm vụ 2: Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và chương trình phát triên đô thị từng đô thị.*

- Nội dung thực hiện: Phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị đối với các đô thị loại IV trở lên, cụ thể hóa các chỉ tiêu của Nghị quyết số 148/NQ-CP đối với toàn tỉnh và từng đô thị trong tỉnh; rà soát, lập chương trình phát triển đô thị 05 đô thị tiêu biểu (gồm: Thanh Hóa, Sầm Sơn, Bỉm Sơn, Nghi Sơn, Lam Sơn - Sao Vàng), có khả năng chống chịu, giảm phát thải, thông minh, có bản sắc và hoàn thiện điều kiện hạ tầng đô thị.

- Cơ quan thực hiện:

+ Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo trách nhiệm, thẩm quyền phối hợp với Sở Xây dựng theo quy định của pháp luật.

+ Sở Xây dựng tổng hợp nhu cầu cần hỗ trợ để hoàn thành chỉ tiêu đề ra về lập chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị đối với các đô thị loại IV trở lên, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

+ Sở Xây dựng tổng hợp, đề xuất xây dựng Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh theo quy định pháp luật hiện hành sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

*b) Nhiệm vụ 3: Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các đô thị.*

- Nội dung thực hiện:

+ Phát triển các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội toàn đô thị theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch đô thị và Quy chuẩn về hạ tầng kỹ thuật đô thị, các yêu cầu cụ thể tại Nghị quyết số 148/NQ-CP, trong đó bình quân chung cả tỉnh tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11-16% vào năm 2025, 16 - 26% vào năm 2030; diện tích cây xanh bình quân đô thị đạt khoảng 10 m2/người vào năm 2025, khoảng 12 m2/người vào năm 2030.

+ Ưu tiên thực hiện các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm: Cây xanh đô thị, giao thông, chiếu sáng đô thị, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn đô thị.

+ Xây dựng đồng bộ hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường tại các đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi Trường, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, các sở, ngành liên quan theo quy định về đầu tư, đầu tư công.

*c) Nhiệm vụ 4: Cải tạo, chỉnh trang các đô thị từ loại III trở lên.*

- Nội dung thực hiện:

+ Hoàn thiện tiêu chuẩn phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị của các đô thị loại III trở lên. Khắc phục tình trạng thiếu trường, thiếu lớp hiện nay nhất là giáo dục mầm non, tiểu học, trung học tại các đô thị lớn, khu công nghiệp.

+ Đến năm 2030, cơ bản giảm thiểu tình trạng ngập úng, nâng cao năng lực thông hành chống ách tắc giao thông; cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo dự án gắn với cải tạo, chỉnh trang đô thị, phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở và kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu ven sông, kênh gắn với tái định cư; hình thành mới các trục không gian cảnh quan kiến trúc đặc thù của đô thị; bảo tồn tôn tạo khu vực công trình kiến trúc có giá trị; phát triển các không gian công cộng đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các thành phố: Thanh Hóa, Sầm Sơn; thị xã Bỉm Sơn, Nghi Sơn phối hợp với các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Y tế và các sở, ngành liên quan theo quy định về đầu tư, đầu tư công.

*d) Nhiệm vụ 5: Thí điểm thực hiện các dự án tái thiết đô thị và nghiên cứu đề xuất thí điểm các mô hình đột phá, đổi mới sáng tạo.*

- Nội dung thực hiện: Thí điểm lựa chọn vị trí, thực hiện dự án tái thiết đô thị tại khu vực trung tâm, tạo khu vực động lực thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị; thí điểm các mô hình đột phá, đổi mới sáng tạo thu hút đầu tư phát triển đô thị tại các đô thị cấp vùng[[4]](#footnote-4).

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Sở, ngành liên quan theo quy định về đầu tư, đầu tư công.

*e) Nhiệm vụ 6: Đầu tư phát triển hệ thống HTKT cấp vùng, liên vùng.*

- Nội dung thực hiện:

+ Đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật đầu mối, các dự án cấp nước, xử lý rác thải liên vùng theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng.

+ Đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe tại các đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan và các sở, ngành liên quan theo quy định về đầu tư, đầu tư công.

*f) Nhiệm vụ 07: Đầu tư phát triển đảm bảo an sinh nhà ở.*

- Nội dung thực hiện: Thực hiện các chỉ tiêu đảm bảo an sinh nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, trong đó diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị trên toàn tỉnh đạt tối thiểu 30 m2 vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 35 m2.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ngành liên quan.

*g) Nhiệm vụ 08: Xây dựng, phát triển đô thị thông minh.*

- Nội dung thực hiện: Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2018.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các Sở: Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Sở, ngành liên quan theo quy định về đầu tư, đầu tư công.

*h) Nhiệm vụ 09: Xây dựng, phát triển đô thị có năng lực chống chịu, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển các công trình xanh, khu đô thị xanh trong đô thị, đảm bảo chất lượng môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh.*

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện các chương trình, dự án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2021.

+ Khuyến khích và thúc đẩy việc đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành các dự án đầu tư xây dựng công trình theo tiêu chí, tiêu chuẩn công trình xanh, các dự án khu đô thị theo tiêu chí khu đô thị xanh.

+ Rà soát các biện pháp, công nghệ cung cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải để đảm bảo khả năng thích ứng với các điều kiện khí hậu cực đoan có thể xảy ra do tác động của biến đổi khí hậu.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành có liên quan.

*i) Nhiệm vụ 10: Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các khu vực nông thôn đô thị hóa.*

- Nội dung thực hiện: Thực hiện các chỉ tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; từng bước tiếp cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ đô thị, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng Nông thôn mới tỉnh; các sở, ngành, đơn vị có liên quan.

*k) Nhiệm vụ 11: Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị.*

- Nội dung thực hiện: Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị theo hướng thiết thực, hiệu quả, đa năng, phục vụ rộng rãi các đối tượng, phù hợp với Chiến lược phát triển văn hoá, thể thao đến năm 2030.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*l) Nhiệm vụ 12: Hạn chế xe cá nhân và khuyến khích các phương tiện giao thông công cộng, thân thiện môi trường.*

- Nội dung thực hiện: Xây dựng lộ trình và giải pháp khả thi hạn chế xe cá nhân. Xây dựng đồng bộ về hạ tầng và ban hành các chính sách ưu đãi để khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng, thân thiện với môi trường tại đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Giao thông vận tải.

*m) Nhiệm vụ 13: Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị.*

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn theo hướng tối đa hóa giá trị của chất thải, lộ trình hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp thông qua đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

+ Tập trung vào các hoạt động huy động nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cũng như đa dạng hóa nguồn đầu tư từ các thành phần kinh tế đóng vai trò quan trọng để khuyến khích hoạt động phân loại chất thải rắn tại nguồn, cải thiện công nghệ tái chế, thân thiện môi trường trong quản lý chất thải.

+ Các đô thị phải được quy hoạch và xây dựng các điểm thu gom rác; khuyến khích phân loại rác thải trong đô thị và khu dân cư bảo đảm vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp các sở, ngành có liên quan.

*n) Nhiệm vụ 14: Đề xuất các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí.*

- Nội dung thực hiện: Triển khai theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các nhiệm vụ đã được phân giao theo Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 18/11/2022. Huy động các nguồn lực thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh; giải quyết các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải tại khu vực sản xuất tập trung, khu dân cư và nút giao thông đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Y tế; Sở Khoa học Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Thông tin Truyền thông, Công an tỉnh; Sở Ngoại vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố[[5]](#footnote-5).

*o) Nhiệm vụ 15: Mô hình bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị.*

- Nội dung thực hiện: Tăng đầu tư, biên chế bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị. Hoàn thiện mô hình cơ quan kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh tại các địa phương bảo đảm đồng bộ với quá trình phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ cho nhân dân. Tiếp tục duy trì và tăng cường năng lực phòng, chống và giảm thiểu dịch bệnh tại các đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành có liên quan.

**4. Xây dựng các nhiệm vụ, đề án chuyên ngành**

Các sở, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh trong việc phối hợp với các bộ, ngành trung ương về lĩnh vực liên quan khi được yêu cầu.

**5. Xây dựng các cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật**

Các sở, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh trong việc phối hợp với các bộ, ngành trung ương về lĩnh vực liên quan khi được yêu cầu.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh, Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, thông tin, tuyên truyền phổ biến rộng rãi Nghị quyết số 148/NQ-CP và Kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh đến các tổ chức, cơ quan, nhân dân trên địa bàn tỉnh; căn cứ những nhiệm vụ chủ yếu trong Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được phân công, tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh. Chủ động lồng ghép các quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 148/NQ-CP và các nhóm nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Kế hoạch này trong các quy hoạch, kế hoạch, chương trình có liên quan để tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương điều phối, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu theo yêu cầu của Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148/NQ-CP và các chỉ tiêu cụ thể đề ra trong Kế hoạch này tại các huyện, thị xã, thành phố; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất để báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Đầu mối tổ chức nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, hướng dẫn các biện pháp tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch này; định kỳ báo cáo và kiến nghị với Chủ tịch UBND tỉnh về các biện pháp cần thiết đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển đô thị quốc gia theo từng giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì tham mưu bố trí vốn đầu tư công cho các dự án có mục tiêu phát triển đô thị thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn và dài hạn do tỉnh quản lý theo đúng quy định của pháp luật; theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn việc huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

- Chỉ đạo tổ chức định kỳ điều tra, thống kê việc thực hiện các chỉ tiêu liên quan đến lĩnh vực tổng hợp của ngành được yêu cầu tại Nghị quyết số 148/NQ-CP (các chỉ tiêu, số liệu có liên quan đến Quy hoạch tỉnh).

4. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

4.1. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh:

- Quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có liên quan phải tuân thủ các mục tiêu được đề ra tại Mục I-4 Kế hoạch này.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, đôn đốc các các địa phương, doanh nghiệp, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh biện pháp tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra của Kế hoạch này. Phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác điều phối, kiểm tra, đôn đốc, giám sát; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất để báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Định kỳ (trước ngày 15 tháng 12 hàng năm) báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình thực hiện; đồng thời gửi báo cáo đến Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp.

4.2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra tại Kế hoạch này; xây dựng chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của địa phương mình trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ của tỉnh, có lộ trình và phân công nhiệm vụ cụ thể. Cụ thể hoá các chỉ tiêu, nhiệm vụ vào kế hoạch năm và theo từng giai đoạn.

- Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch yêu cầu phải tuân thủ các quy định của pháp luật, các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này; đồng thời phù hợp với tinh thần của Nghị quỵết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ; Kế hoạch số 57-KH/TU ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa; ưu tiên bố trí đủ nguồn lực thực hiện. Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực thực hiện lập quy hoạch, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị.

- Định kỳ (trước ngày 15 tháng 12 hàng năm) báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình thực hiện; đồng thời gửi báo cáo đến Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung, các sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Mai Xuân Liêm** |

**Phụ lục I**

**CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Chỉ tiêu cần đạt được** | | **Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá** |
| **Đến năm 2025** | **Đến năm 2030** |
| 1 | Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh | % | >40 | >50 | Sở Xây dựng |
| 2 | Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên | % | 1,5- 1,9 | 1,9 - 2,3 | Sở Xây dựng |
| 3 | Số lượng đô thị toàn tỉnh |  | 47 | 47 | Sở Xây dựng |
| 4 | Tỷ lệ đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị | % | 100 |  | Sở Xây dựng |
| 5 | Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung | % | 100 |  | Sở Xây dựng |
|  | Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đô thị đối với đô thị loại IV trở lên | % |  | 100 | Sở Xây dựng |
| 6 | Tỷ lệ các đô thị hiện có và đô thị mới có chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị. | % | 100 |  | Sở Xây dựng |
| 7 | Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị | % | 11 - 16 | 16-26 | Sở Xây dựng |
| 8 | Diện tích cây xanh đô thị bình quân trên mỗi người dân đô thị | m2/ người | ≥10 | ≥12 | Sở Xây dựng |
| 9 | Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị. | m2/ người | ≥30 | ≥35 | Sở Xây dựng |
| 10 | Tỷ lệ phủ kín hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến các hộ gia đình | % | >80 | 100 | Sở Thông tin và Truyền thông |
| 11 | Tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử | % | >80 | 100 | Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thanh Hóa |
| 12 | Đóng góp kinh tế khu vực đô thị vào GRDP toàn tỉnh | % | 75 | 85 | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 13 | Số lượng đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực | Đô thị |  | 3-5 | UBND các huyện, thị xã, thành phố: Thọ Xuân, Bỉm Sơn, Nghi Sơn, Thanh Hóa, Sầm Sơn; các sở, ngành liên quan phối hợp |
| 14 | Số lượng trung tâm đô thị trọng điểm đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN | Đô thị |  | Hình thành một số (5-8) trung tâm đô thị | UBND các huyện, thị xã, thành phố: Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Hoằng Hóa, Yên Định, Bỉm Sơn, Nghi Sơn, Thanh Hóa, Sầm Sơn; các sở, ngành liên quan phối hợp |

**Phụ lục 2**

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ KẾ HOẠCH CỦA UBND TỈNH THANH HÓA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 148/NQ-CP NGÀY 11/11/2022 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG CÔNG VIỆC** | **CƠ QUAN CHỦ TRÌ** | | | | **CƠ QUAN PHỐI HỢP** | | | | **CẤP TRÌNH** | | **THỜI HẠN** | | |
| **I** | **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG, QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy chế quản lý kiến trúc | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | | | | Các cơ quan có liên quan | | | | Cấp có thẩm quyền theo pháp luật | | 2023 - 2025 | | |
| **II** | **ĐẦU TƯ PHÁT TRIẺN HỆ THỐNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ ĐỒNG SỞ, HIỆN ĐẠI, LIÊN KẾT, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU** | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Nhiệm vụ** | | **Cơ quan chủ trì** | | | | **Nguồn vốn** | | | | **Thời gian thực hiện** | | | |
|  |  | |  | | | |  | | | |  | | | |
| 2 | Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và chương trình phát triển đô thị từng đô thị | | | | | | | | | | | | | |
|  | - Đến năm 2025 hoàn thành rà soát, phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu tại các đô thị hiện có và đô thị mới; phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc tại các đô thị vừa và lớn; đến năm 2030, tối thiểu phủ kín quy hoạch phân khu tại các thành phố, thị xã | | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Sở Xây dựng, UBND tỉnh | | | | Đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác | | | | 2023 - 2030 | | | |
| - Thực hiện 100% các đô thị từ loại IV trở lên có Chương trình PT đô thị | |
| - Rà soát, lập Chương trình phát triển đô thị cho 05 đô thị tiêu biểu, có khả năng chống chịu, giảm phát thải, thông minh, có bản sắc và hoàn thiện điều kiện hạ tầng đô thị | | UBND các huyện, thị xã, thành phố: Thọ Xuân, Bỉm Sơn, Nghi Sơn, Thanh Hóa, Sầm Sơn phối hợp các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Giao thông và các sở, ngành, đơn vị có liên quan | | | | 2023 | | | |
| 3 | Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các đô thị. | | | | | | | | | | | | | |
|  | - Cây xanh đô thị: phát triển tăng thêm cây xanh tại các đô thị loại III, II, I để góp phần vào chỉ tiêu chung của (đạt ít nhất 30 triệu m2)\*. | | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; phối hợp các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan | | | | Đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác | | | | 2023 - 2030 | | | |
| - Phát triển tăng thêm giao thông đô thị để góp phần vào chỉ tiêu chung của (đạt ít nhất 400 km2)\*. | |
| - Thoát nước và xử lý nước thải đô thị: tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đạt > 50% đối với đô thị loại II trở lên, >20% đối với các đô thị còn lại. | |
| 4 | Cải tạo, chỉnh trang các đô thị vừa và lớn từ loại III trở lên | | | | | | | | | | | | | |
|  | - Các đô thị từ loại III trở lên hoàn thiện các tiêu chuẩn hạ tầng đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị. | | Ủy ban nhân dân các thị xã, thành phố; phối hợp các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan | | | | Đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác | | | | 2023 - 2030 | | | |
| - Cải tạo chỉnh trang khu vực phường thuộc đô thị từ loại III trở lên đạt chuẩn để góp phần vào chỉ tiêu chung của (đạt khoảng 700 phường)\*. | |
| 5 | Thí điểm thực hiện các dự án tái thiết đô thị và nghiên cứu đề xuất thí điểm các mô hình đột phá, đổi mới sáng tạo | | | | | | | | | | | | | |
|  | Thí điểm lựa chọn vị trí, thực hiện dự án tái thiết đô thị tại khu vực trung tâm, tạo khu vực động lực thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị; thí điểm các mô hình đột phá, đổi mới sáng tạo thu hút đầu tư phát triển đô thị tại các đô thị trọng tâm của tỉnh. | | | | UBND các huyện, thị xã, thành phố: Thọ Xuân, Bỉm Sơn, Nghi Sơn, Thanh Hóa, Sầm Sơn; phối hợp các Sở: Xây dựng, KHĐT, Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan | | | | Thực hiện theo các đề  án riêng | | | | | 2023 - 2030 |
| 6 | Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, liên vùng | | | | | | | | | | | | | |
|  | * Đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật đầu mối, các dự án cấp nước, xử lý rác thải liên vùng theo quy hoạch vùng. * Đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe tại các đô thị. | | | | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; phối hợp các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Xây dựng, KHĐT, Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan | | | | Thực hiện theo các đề  án riêng | | | | | 2023 - 2030 |
| 7 | Đầu tư phát triển đảm bảo an sinh nhà ở | | | | | | | | | | | | | |
|  | Thực hiện các chỉ tiêu đảm bảo an sinh nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 (diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị trên toàn tỉnh đạt khoảng 30 m2 vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 35 m2). | | | | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; phối hợp các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các các sở, ngành, đơn vị có liên quan | | | | Thực hiện theo các đề  án riêng | | | | | 2023 - 2030 |
| 8 | Xây dựng, phát triển đô thị thông minh | | | | | | | | | | | | | |
|  | Thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên đến năm 2025, các nhiệm vụ giải pháp đến năm 2030 theo Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 | | | | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; phối hợp các Sở: Thông tin và truyền thông, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan | | | | Thực hiện theo các đề  án riêng | | | | | 2023 - 2030 |
| 9 | Xây dựng, phát triển đô thị có năng lực chống chịu, ứng phó biến đối khí hậu, phát triển các công trình xanh, khu đô thị xanh trong đô thị, đảm bảo chất lượng môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh | | | | | | | | | | | | | |
|  | Thực hiện các chương trình, dự án phát triển các đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021, nâng cao năng lực chống chịu biến đổi khí hậu tại các đô thị: Sầm Sơn, Bỉm Sơn, Nghi Sơn. | | | | Ủy ban nhân dân các thị xã: Sầm Sơn, Bỉm Sơn, Nghi Sơn; phối hợp các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan | | | | Thực hiện theo Chương trình, Kế hoạch riêng riêng | | | | | 2023 - 2030 |
| 10 | Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các khu vực nông thôn đô thị hóa | | | | | | | | | | | | | |
|  | Đầu tư xây dựng phát triển mới đất xây dựng đô thị, bao gồm các khu vực nông thôn đô thị hóa được công nhận đạt đô thị loại V, vào chỉ tiêu chung của ( đạt khoảng hơn 5.000 ha)\*. | | | UBND các huyện, thị xã, thành phố; Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng Nông thôn mới tỉnh; các sở, ngành, đơn vị có liên quan | | | | Theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia | | | | | 2023 - 2025 | |
| 11 | Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị | | | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | Đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác | | | | | 2030 | |
| 12 | Hạn chế xe cá nhân và khuyến khích các phương tiện giao thông công cộng, thân thiện môi trường | | | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp Sở Giao thông vận tải | | | | Thực hiện theo đề án cụ thể | | | | | 2030 | |
| 13 | Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị | | | Sở TNMT, UBND các huyện, thị xã, TP phối hợp và các sở, ngành, đơn vị có liên quan | | | | Thực hiện theo đề án cụ thể | | | | | 2030 | |
| 14 | Đề xuất các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí | | | Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN; UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan liên quan được phân công cụ thể theo QĐ số 3976/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh | | | | Thực hiện theo kế hoạch cụ thể | | | | | 2023 - 2030 | |
| 15 | Mô hình bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị | | | Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp Sở Y tế và các sở, ngành, đơn vị có liên quan | | | | Thực hiện theo đề án cụ thể | | | | | 2030 | |

- Đối với các nội dung có ghi chú (\*) tại các nhiệm vụ 3, 4, 10: Các số liệu sẽ được cụ thể hóa sau khi có chương trình, kế hoạch phân bổ của Bộ quản lý chuyên ngành; trên cơ sở rà soát, tổng hợp thực tế tại các địa phương.

1. Một số chỉ tiêu đã được cụ thể hóa theo Phương án Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [↑](#footnote-ref-1)
2. Kế hoạch số 57-KH/TU ngày 30/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị [↑](#footnote-ref-2)
3. Các đô thị: Thanh Hóa, Sầm Sơn, Bỉm Sơn, Nghi Sơn, Lam Sơn - Sao Vàng [↑](#footnote-ref-3)
4. Các đô thị: Thanh Hóa, Bỉm Sơn, Nghi Sơn, Thọ Xuân… theo Quy hoạch tỉnh [↑](#footnote-ref-4)
5. Đã phân công thực hiện theo Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh. [↑](#footnote-ref-5)